

Bản án số: **412/2025/DS – ST**
Ngày: 22 - 8 - 2025
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
thuê xe*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Võ Kim Hương

2. Ông Đào Quốc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An Thành – Cán bộ Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2025, Tòa án nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 192/2025/TLST-DS ngày 13 tháng 02 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng thuê xe" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2025/QĐST-DS ngày 29/7/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty Cổ phần S; Trụ sở: 128 N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là số A N, phường T, tỉnh Nghệ An);

Người đại diện theo uỷ quyền là: Bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 2000; Địa chỉ liên lạc: H đường Đ, Phường A, Quận F (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (*Văn bản uỷ quyền số 177/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024*).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Địa chỉ: Số G L, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh.

(*tại phiên tòa: Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt; bà L vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S do bà Trần Thị Cẩm H làm người đại diện theo ủy quyền trình bày như sau:

Tháng 3/2024, bà Nguyễn Thị L và Công ty Cổ phần S (sau đây gọi tắt là Công ty S1) có ký Giấy bán xe, theo đó, bà L bán cho Công ty S1 01 chiếc xe mô tô hai bánh biển kiểm soát số 59D2 -767.93, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu đỏ đen, số khung: MH1KF4111KK460470, số máy KF41E1461289 (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006916 do Công an quận T cấp ngày 07/02/2024 cho bà Nguyễn Thị L) với giá 15.000.000 đồng.

Do nhu cầu đi lại nên cùng thời gian trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay ký kết Hợp đồng cho bà L thuê lại chiếc xe nêu trên với giá 27.512.153.04 đồng, thời hạn thuê là 12 tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền là 2.292.679.42 đồng. Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 4% (trong trường hợp không thanh toán đúng hạn). Phạt vi phạm nghĩa vụ hợp đồng 8% trên giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

Đăng ký Giao dịch đảm bảo trên Hệ thống Đăng ký Trực tuyến của Cục Đ: Giaodichdambao/botuphap: theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Theo Hợp đồng cho thuê đã ký thì Công ty S1 đã tiến hành giao xe cho bà Nguyễn Thị L. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ thuê xe, bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê từ ngày 04/05/2024 đến nay bà L không trả tiền thuê xe và cũng không trả lại xe máy cho Công ty S1.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc bà L phải thanh toán ngay số tiền tạm tính đến ngày 12/12/2024 là 21.428.288 đồng, bao gồm: Tiền thuê xe chưa trả: 18.341.188 đồng; P yêu cầu thanh toán mỗi tháng: 1.619.805 đồng và phí phạt vi phạm: 1.467.295 đồng.

- Buộc bà L phải thực hiện nghĩa vụ trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 59D2-767.93, loại xe: Vario Indo, số khung: MH1KF4111KK460470, số máy: KF41E1461289 theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký giữa bà Nguyễn Thị L với Công ty Cổ phần S Có Ngay tháng 3/2024.

Ngoài ra, bà L còn phải tiếp tục chịu tiền thuê xe, phí phát sinh theo hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 12/12/2024 cho đến khi thanh toán xong tiền nợ và trả lại xe cho nguyên đơn.

Ngày 02/6/2025, nguyên đơn nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Công ty S1 xin rút lại yêu cầu bà L trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 59D2-767.93, Loại xe: Vario Indo, Số khung: MH1KF4111KK460470, Số máy: KF41E1461289.

Ngày 07/8/2025, Công ty Cổ phần S do bà Trần Thị Cẩm H làm người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ giấy triệu tập; thông báo thu lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; giấy triệu tập tham dự phiên tòa; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn không có ý kiến đối với các văn bản đã được Tòa án tổng đạt, do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn do bà Trần Thị Cẩm H làm người đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng có bản tự khai ngày 22/8/2025 trình bày như sau:

Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị L thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 43.213.956 đồng, trong đó: Tiền thuê xe chưa trả: 25.222.153 đồng; Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4%: 15.974.030 đồng và phí phạt vi phạm hợp đồng là: 2.017.772 đồng.

Ngoài ra, bà L còn phải tiếp tục trả phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn cho đến khi thanh toán xong nợ. Buộc bà L phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn xin rút yêu cầu bà L trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 59D2-767.93, Loại xe: Vario Indo, Số khung: MH1KF4111KK460470, Số máy: KF41E1461289.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tiến hành tố tụng theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định, vụ án thụ lý đúng thẩm quyền. Đương

sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về thời hạn chuẩn bị xét xử vi phạm quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự tuy nhiên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án.

+ *Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết và tư cách tham gia tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Xét nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị L thanh toán số tiền thuê xe còn nợ và phí theo Hợp đồng cho thuê xe mà hai bên đã ký kết vào tháng 3/2024. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng thuê tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L có hộ khẩu thường trú và thực tế cư ngụ tại địa chỉ số G L, phường P, quận T (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân quận Tân Phú (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh) thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. Về tư cách tham gia tố tụng của đương sự:

Căn cứ theo quy định tại Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Công ty Cổ phần S Có Ngay là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị L là bị đơn là hoàn toàn phù hợp.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Ngày 07/8/2025, nguyên đơn do bà Trần Thị Cẩm H làm người đại diện theo uỷ quyền có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Giấy bán xe, Hợp đồng cho thuê xe, phiếu đăng ký bảo đảm đã có đủ cơ sở xác định Công ty Cổ phần S Có Ngay có cho bà L thuê lại xe mô tô hai bánh biển kiểm soát số 59D2 -767.93, nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150, màu đỏ đen, số khung: MH1KF4111KK460470, số máy KF41E1461289 (Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 006916 do Công an quận T cấp ngày 07/02/2024 cho bà Nguyễn Thị L) theo Hợp đồng cho thuê xe tháng 3/2024. Thời hạn thuê là 12 tháng, mỗi tháng thanh toán số tiền là 2.292.679.42 đồng. Hợp đồng trên là phù hợp với quy định tại các Điều 116 về giao dịch dân sự; Điều 117 về điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự; Điều 119 về hình thức giao dịch dân sự của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên tham gia giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản của hợp đồng không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

Bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê từ ngày 04/05/2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tổng đạt văn bản tố tụng cho bà L theo quy định nhưng bà vẫn không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt. Do vậy, xem như bà L đã từ chối việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và mặc nhiên thừa nhận nợ theo quy định tại Điều 93, 94, 95 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 418, 472 và 481 của Bộ luật dân sự năm 2015 có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 43.213.956 đồng, bao gồm: Tiền thuê xe chưa trả: 25.222.153 đồng; Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4%: 15.974.030 đồng và phí phạt vi phạm hợp đồng là: 2.017.772 đồng.

Vì bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử căn cứ có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà L có trách nhiệm thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn cho đến khi thanh toán xong nợ theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký kết từ ngày 23/8/2025 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

[4]. Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 02/6/2025 của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay, nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu bà L trả lại chiếc

xe mô tô hai bánh biển số: 59D2-767.93, Loại xe: Vario Indo, Số khung: MH1KF4111KK460470, Số máy: KF41E1461289, Hội đồng xét xử căn cứ theo Điều 5, Điều 217 và Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có cơ sở đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.160.698 đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 535.707 đồng cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045772 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 93, 94, 95; Điều 217; 244; khoản 1 Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 116; 117; 119; Điều 351; Điều 418; Điều 472 và 481 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

- Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền tạm tính đến ngày 22/8/2025 là 43.213.956 (bốn mươi ba triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm năm mươi sáu) đồng, bao gồm: Tiền thuê xe chưa trả: 25.222.153 (hai mươi lăm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn một trăm năm mươi ba) đồng; Phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng 4%: 15.974.030 (mười lăm triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi) đồng và phí phạt vi phạm hợp đồng là: 2.017.772 (hai triệu không trăm mười bảy nghìn bảy trăm bảy mươi hai) đồng.

- Buộc bà Nguyễn Thị L có trách nhiệm thanh toán phí yêu cầu thanh toán mỗi tháng là 4% trên dư nợ thực tế do thanh toán không đúng hạn cho đến khi thanh toán xong nợ cho nguyên đơn theo Hợp đồng cho thuê xe đã ký kể từ ngày 23/8/2025 đến khi trả hết nợ cho nguyên đơn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với yêu cầu bà L trả lại chiếc xe mô tô hai bánh biển số: 59D2-767.93, Loại xe: Vario Indo, Số khung: MH1KF4111KK460470, Số máy: KF41E1461289.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.160.698 (hai triệu một trăm sáu mươi nghìn sáu trăm chín mươi tám) đồng.

Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 535.707 (năm trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm lẻ bảy) đồng cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0045772 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh).

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP . HCM;
- Thi hành án dân sự TPHCM;
- VKSND KV9, TPHCM;
- Phòng THADSKV9, TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ (An Thành)./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kiều Oanh